**Tiết 44: Ngày soạn:6/03/2023**

**ÔN TẬP GIỮA KỲ II**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**

Học sinh năm được

- Đặc điểm tình hình Việt Nam và nhiệm vụ, vị trí, vai trò, mối quan hệ cách mạng hai miền nước ta từ sau năm 1954.

Các giai đoạn lịch sử từ 1954-1975 và nội dung cơ bản mỗi giai đoạn.

- So sánh những điểm giống và khác nhau giữa các chiến lược chiến tranh Mĩ đã tiến hành ở Việt Nam.

**2. Kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng hệ thống hóa lịch sử, kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá.

**3. Thái độ**

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, tình cảm ruột thịt Bắc - Nam, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

- Có thái độ đúng đắn với chủ nghĩa đế quốc thực dân và vấn đề chiến tranh xâm lược.

**4. Định hướng các năng lực hình thành:**

**\* Năng lực chung**:

**-** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**\* Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tái hiện sự kiện, hệ thống hóa kiến thức, so sánh...

**II.CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH.**

**1.Giáo viên:**

- Giáo án

- Tư liệu tranh ảnh liên quan

- Bài tập trắc nghiệm.

**2. Học sinh:**

- Ôn tập, hệ thống hóa nội dung phần lịch sử 1954-1975 đã học, làm các bài tập giáo viên giao.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Dạy học nêu vấn đề.

- Thuyết trình, đàm thoại, trao đổi

- Phương pháp trực quan

- Hoạt động nhóm

## IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.

***1. Hoạt động tạo tình huống:***

***a. Mục đích:*** giúp HS huy động vốn kiến thức và kĩ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới; tạo tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

***b. Phương pháp:*** cho học sinh xem 1 số hình ảnh Cầu Hiền Lương sau hiệp định Giơnevơ,Đại hội lần thứ 3 của Đảng, Đồng khởi 1960 , quân giải phóng cắm cờ trên Dinh độc lập 1975, nhiệm vụ của học sinh là tìm ra được nội dung cơ bản của giai đoạn lịch sử (1954 – 1975) thông qua việc liên kết các hình ảnh đó

***c. Dự kiến sản phẩm:***

HS trả lời được nội dung cơ bản của giai đoạn lịch sử (1954 – 1975) theo hiểu biết của mình. GV bổ sung và dẫn dắt vào tiết mới

***2. Hoạt động hình thành kiến thức****:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu, phương thức** | **Gợi ý sản phẩm** |
| **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu về điểm tình hình, nhiệm vụ, vị trí, vai trò và mối quan hệ 2 miền sau 1954.**  **Hoạt động cá nhân**  *- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua các câu hỏi:*  -Sau 1954, đặc điểm nước ta có gì nỗi bật? -Từ tình hình đó nhiệm vụ 2 miền khác nhau như thế nào?  -Vai trò, vị trí của cách mạng mỗi miền, mối quan hệ CM hai miền?  *-HS trả lời lần lượt các câu hỏi.*  - GV: Dựa vào các câu trả lời của học sinh nhân xét, sữa chữa nếu cần và sơ đồ hóa các nội dung để khắc sâu kiến thức  - GV nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy học sinh, củng cố, khắc sâu nhận thức.  - Nội dung nào thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng ta khi xác định nhiệm vụ cách mạng nước ta sau 1954? (thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở 2 miền Nam-Bắc)  -GV: Vì sao nói việc thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở 2 miền Nam-Bắc là sáng tạo, độc đáo?  + Sáng tạo: Chưa có tiền lệ trong lịch sử  + Độc đáo: Một đảng lãnh đạo thực hiện 2 chiến lược CM khác nhau ở 2 miền để thực hiện 1 mục tiêu chung trong 1 nước  GV dẫn dắt HS chuyển sang tìm hiểu nội dung thứ hai thông qua câu hỏi: Cách mạng miền Nam từ 1954-1975 chia thành mấy giai đoạn chính? Nội dung cơ bản mỗi giai đoạn.  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về cách mạng miền Nam giai đoạn từ 1954 đến 1975**  **Hoạt động cá nhân**  GV: Nội dung cơ bản của cách mạng miền Nam giai đoạn 1954-1960 là gì?  *- HS trả lời câu hỏi .*  GV nhận xét, hướng dẫn học sinh khác sâu nội dung sự kiện cơ bản nhất trong giai đoạn này (Phong trào Đồng khởi) bằng các câu hỏi nhỏ về hoàn cảnh lịch sử và kết quả, ý nghĩa của phong trào.  **Hoạt động nhóm:**  GV chia lớp ra làm 3 nhóm và giao nhiệm vụ  - Nhóm 1: Khái quát nội dung chính Chiến lược CTĐB  - Nhóm 2: Khái quát nội dung chính Chiến lược CTCB  - Nhóm 3: Khái quát nội dung chính Chiến lược VNHCT  - Dùng kiến thức đã học để hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy lên giấy A4.  Các nhóm trao đổi, thảo luân.GV quan sát, có thể giúp đỡ và hỗ trợ cho HS hoàn thành sản phẩm  - GV yêu cầu các nhóm lần lượt đưa sản phẩm lên TV  Các nhóm khác theo dõi, nhận xét  - GV nhận xét, kết luận và hoàn thiện bằng sơ đồ tư duy đã chuẩn bị sẵn (nếu HS chưa vẽ được thì GV hướng dẫn cụ thể cách vẽ cho HS)  -GV chốt: Những thắng lợi của CMMN cùng với những thành tích của MB trong chống chiến tranh phá hoại đã đưa đến HĐ Pari  **Hoạt động 3: Khái quát nội dung chính CMMN giai đoạn 1973 -1975**  - GV hướng dẫn học sinh ôn tập cac nội dung sau  + Chủ trương của Đảng  + Cuộc tổng tiến công và nổi dậy 1975  + Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước  **Hoạt động 4: Khái quát nội dung chính cách mạng miền Bắc 1954-1975**  GV hướng dẫn học sinh về nhà ôn tập những nội dung cốt lõi của CMMB sau khi đã giảm tải | **I.Các nội dung cơ bản của lịch sử dân tộc từ 1954-1975**  **1.Tình hình, nhiệm vụ, vị trí, vai trò và mối quan hệ cách mạng 2 miền sau năm 1954**  - Đặc điểm tình hình: Đất nước tạm thời bị chia cắt thành 2 miền với 2 chế độ CT-XH khác nhau.  - Nhiệm vụ:  + Miền Bắc: Tiến hành cách mạng XHCN.  + Miền Nam: Tiếp tục cách mạng DTDCND  - Vai trò, vị trí:  + Miền Bắc: là hậu phương lớn đóng vai trò quyết định nhất.  + Miền Nam: là tiền tuyến lớn đóng vai trò quyết định trực tiếp.  + Mối quan hệ: Quan hệ tác động qua lại, hỗ trợ lẫn nhau.  **2. Cách mạng miền Nam từ 1954 đến 1975**  **a Giai đoạn 1954-1960**  - Phong trào hòa bình (1954- 1959)  - Đồng khởi (1959 - 1960  + Hoàn cảnh lịch sử  + Tóm tắt diễn biến.  + Kết quả, ý nghĩa  **b. Giai đoạn 1961- 1973**  - 1961 1965: Chiến lược chiến tranh đặc biệt  - 1965 – 1968: Chiến lược chiến tranh cụ bộ  - 1968 -1973: Chiến lược VN hóa chiến tranh  **c. Giai đoạn 1973- 1975**  **-** Chủ trương của Đảng  - Cuộc tổng tiến công và nổi dậy 1975  + Chiến dịch Tây Nguyên  + Chiến dịch Huế -Đà Nẵng  + Chiến dịch Hồ Chí Minh  **-** Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước  **2. Cách mạng miền Bắc 1954- 1975**  - MB chống chiến tranh phá hoại  - MB làm nghĩa vụ hậu phương. |

**3. Hoạt động luyện tập, vận dụng:**

GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi TNKQ

**Câu 1. Âm mưu cơ bản của Mĩ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là**

A. đưa quân Mĩ vào miền Nam. B. phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.

C. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. D. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.

**Câu 2.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam?

A. Làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

C. Sự ra đời của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

D. Đưa cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 3.** Nhiệm vụ cơ bản của Cách mạng miền Nam sau 1954 là

A. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

B. chống lại cuộc chiến tranh tàn phá của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng MN thống nhất nước nhà.

D. tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, Diệm.

**Câu 4.** Âm mưu cơ bản trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt. B. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

C.Tiêu diệt lực lượng của ta. D. Kết thúc chiến tranh.

**Câu 5. Sự kiện nào dưới đây buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?**

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Chiến thắng trong cuộc phản công chiến lược 1966 – 1967.

**Câu 6. Sự kiện nào đã đánh dấu cách mạng Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”?**

A. Thắng lợi của “chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” (1972).

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân (1975).

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng (1975).

D. Hiệp định Pari được kí kết (1973).

**Câu 7: Kế hoạch giải phóng miền Nam được bộ chính trị TW Đảng đề ra trong 2 năm, đó là**

A.1972-1973               B.1973-1974               C.1974-1975               D.1975-1976

**Câu 8: Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam?**

A.Quân Mĩ và quân đông minh đã rút khỏi miền Nam, ngụy mất chỗ dựa

B.So sánh lực lượng có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long

C.Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam

D.Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn

**Câu 9. Tính đúng đắn, linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng qua chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được thể hiện ở nội dung cơ bản nào dưới đây?**

A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để giải phóng miền Nam trong năm 1975.

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

**Câu 10**: Vì sao Đảng chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975?

A. Tây Nguyên là địa bàn quan trọng, lực lượng địch quá mỏng, lực lượng ta mạnh.

B. Tây Nguyên là địa bàn xa chiến trường chính, lực lượng địch ở đây mỏng và bố phòng sơ hở.

C. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng sơ hở.

D. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mạnh, nhưng bố phòng sơ hở.

**Câu 11.** Vì sao trong chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) ta chọn Buôn Ma Thuật đánh trận mở màn?

A. Địch bố phòng có nhiều sơ hở.

B. Lực lượng địch ở đây quá mỏng.

C. Lực lượng của ta ở đây rất mạnh.

D. Có vị trí chiến lược then chốt ở Tây Nguyên.

**Câu 12.** Ý nghĩa lớn nhất của thắng lợi ở chiến dịch Tây Nguyên là gì?

A. Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. Giải phóng được Tây Nguyên rộng lớn, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên

toàn miền Nam.

C. Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

**Câu 13.** Chiến dịch nào dưới đây có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

**Câu 14.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến dịch Huế - Đà Nẵng là gì?

A. Đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng.

B. Phá tan âm mưu co cụm chiến lược của quân đội Sài Gòn.

C. Tạo thời cơ chiến lược cho ta mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

D. Làm sụp đổ hệ thống phòng ngự chiến lược của chính quyền Sài Gòn ở miền Trung.

**Câu 15.** Bài học cơ bản xuyên suốt, trở thành nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay là gì?

A. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

C. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

**Câu 16.** Đường lối chiến lược cách mạng xuyên suốt của Đảng ta từ 1930 đến nay là gì?

A. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.

D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**4. Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Hoàn thành những nội dung chưa thực hiện trên lớp

- Lập bảng so sánh các chiến lược chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam trong những năm 1960-1973 theo bảng sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **Nội dung** | **Chiến lược chiến tranh đặc biệt (1960-1965)** | **Chiến lược chiến tranh cục bộ**  **(1965-1968)** | **Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh**  **(1969-1973)** |
| Hoàn cảnh ra đời |  |  |  |
| Khái niệm |  |  |  |
| Âm mưu |  |  |  |
| Thủ đoạn |  |  |  |
| Quy mô |  |  |  |

- Ôn tập để tiết sau kiểm tra giữa kì.

- Hình thức: trắc nghiệm khách quan 70%, Tự luận 30%

**DUYỆT CỦA BGH DUYỆT CỦA TTCM GV SOẠN**